

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học
và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5627.....
	Ngày: 15/7.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;
Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT- BKHCN ngày 02/4/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 47/2007/QĐ-UBND ngày 11/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang”.

Điều 2. Bãi bỏ những điều khoản quy định về việc thực hiện đề tài, dự án cấp cơ sở tại Quyết định số 28/2007/QĐ-UBND ngày 13/6/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý các đề tài dự án khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Website tỉnh An Giang, Trung tâm Công báo;
- P.KT, P.TH, P.VHXX, P.NC, P.HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
HỒ VIỆT HIỆP



Hồ Việt Hiệp

QUY CHẾ

**Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2013/QĐ-UBND
ngày 9 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trình tự quản lý đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở (sau đây viết tắt là đề tài cơ sở) hàng năm ở huyện, thị, thành phố và sở, ban, ngành trong tỉnh, các tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là đơn vị cơ sở), có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước, gồm các nội dung: Xác định danh mục đề tài; xét duyệt đề cương đề tài; quản lý quá trình triển khai thực hiện đề tài (ký kết hợp đồng, phân bổ và quyết toán kinh phí, kiểm tra); đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài; thanh lý hợp đồng, công bố, đăng ký và ứng dụng kết quả thực hiện đề tài cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Đề tài cơ sở được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực khoa học - công nghệ nhưng phải đảm bảo tính cấp thiết, tính mới, tính khả thi có giá trị thực tiễn và có giá trị khoa học công nghệ.

3. Đề tài cơ sở được thực hiện dưới dạng nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm. Thời gian thực hiện một đề tài cơ sở không quá 12 tháng và được gia hạn thời gian thực hiện 01 lần nhưng không quá 03 tháng.

4. Đề tài cơ sở do thủ trưởng cơ sở và bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ quản lý quá trình triển khai thực hiện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề tài cơ sở là hình thức tổ chức nghiên cứu khoa học của một người hoặc một nhóm người thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết, các nhiệm vụ khoa học công nghệ, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở.

2. Đơn vị cơ sở là cơ quan quản lý Nhà nước được giao nhiệm vụ: Xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; phê duyệt nội dung và kinh phí; kiểm tra và đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài cơ sở ở huyện, thị xã, thành phố, ở sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Thủ trưởng cơ sở là người đứng đầu đơn vị cơ sở gồm các sở, ban ngành tỉnh, Trường Đại học An Giang, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, Trường Cao đẳng nghề, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

4. Cơ quan chủ trì đề tài là cơ quan ký kết hợp đồng với đơn vị hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài; Chịu trách nhiệm quản lý kinh phí và triển khai tổ chức thực hiện đề tài cơ sở.

5. Chủ nhiệm đề tài là cá nhân đã đăng ký trúng tuyển hoặc được giao nhiệm vụ trực tiếp triển khai thực hiện đề tài.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm các hoạt động:

a) Nghiên cứu khoa học.

b) Cải tiến và phát triển công nghệ.

c) Khảo nghiệm, thử nghiệm các giống mới và quy trình sản xuất mới.

d) Ứng dụng, thử nghiệm các tiến bộ khoa học, công nghệ và quy trình công nghệ mới vào sản xuất.

e) Các hoạt động nghiên cứu, kiểm định chất lượng, ứng dụng phương pháp mới nhằm cải tiến, nâng cao phương pháp giảng dạy, học tập tại các trường, Trung tâm nghiên cứu trên địa bàn.

7. Tuyển chọn và xét duyệt đề cương đề tài là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực tốt nhất để thực hiện đề tài đạt hiệu quả cao nhất. Việc xét duyệt đề cương đề tài là thẩm định sự phù hợp của cách tiếp cận, các nội dung và phương pháp tiến hành; mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm so với yêu cầu, khả năng ứng dụng và tác động của các kết quả, tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện, mức độ xác thực, chi tiết của dự toán kinh phí và tính hợp lý trong bố trí kinh phí.

8. Đánh giá nghiệm thu đề tài là quá trình thẩm định, xem xét các kết quả nghiên cứu của đề tài trên cơ sở đề cương đề tài đã được phê duyệt và các tài liệu pháp lý khác có liên quan.

9. Báo cáo khoa học là báo cáo đánh giá toàn bộ hoặc đánh giá một phần nội dung nghiên cứu đã kết thúc đối với các đề tài, dự án (căn cứ theo thời gian tiến hành đã đăng ký hoặc được giao).

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức trong việc quản lý đề tài cấp cơ sở.

1. Thủ trưởng cơ sở là người đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ, xác định danh mục, thành lập hội đồng xét duyệt đề cương chi tiết, thẩm định kinh phí và đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài và tổ chức triển khai ứng

dụng kết quả từ các đề tài cơ sở của đơn vị mình, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý việc thực hiện đề tài cơ sở.

2. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm quản lý và cấp phát kinh phí đề tài; theo dõi tiến độ thực hiện đề tài, thực hiện chế độ báo cáo cho đơn vị chủ quản và Sở Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp đề tài được đánh giá loại Không đạt do chưa hoàn thành khối lượng công việc, chủ trì đề tài phải tự bỏ kinh phí để hoàn thiện các nội dung ghi trong hợp đồng trong thời hạn 6 tháng. Nếu không đạt do vi phạm về cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu không trung thực, tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung và kế hoạch thực hiện, quản lý tài chính sai quy định sẽ xử lý theo pháp luật hiện hành. Đồng thời, toàn bộ chi phí cho đánh giá lại và tổ chức xử lý vi phạm do cá nhân và tổ chức chủ trì đề tài phải chịu trách nhiệm.

3. Khi có thay đổi về nội dung, địa điểm, kinh phí, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý khoa học công nghệ cấp cơ sở xem xét, giải quyết.

Trường hợp vi phạm về quản lý tài chính hoặc tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung, thời gian và địa điểm thực hiện đề tài: Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải thực hiện thủ tục đình chỉ thực hiện đề tài và tiến hành thu hồi kinh phí. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt danh mục đề tài thực hiện hàng năm và Quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài cơ sở từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất của thủ trưởng cơ sở tại Khoản 1 Điều này.

Điều 4. Các hội đồng khoa học và công nghệ

1. Thủ trưởng cơ sở ra quyết định thành lập các hội đồng khoa học và công nghệ cơ sở (sau đây gọi tắt là hội đồng). Hội đồng được thành lập theo chuyên ngành và tương ứng với từng nội dung như sau:

- a) Xác định danh mục đề tài đề xuất.
- b) Tuyển chọn và xét duyệt đề cương chi tiết đề tài.
- c) Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài.

2. Hội đồng có từ 7 đến 9 thành viên gồm: Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng và các ủy viên. Trong đó, có 1 - 2 ủy viên phản biện (đối với hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài) và 01 ủy viên là thư ký khoa học. Thủ trưởng cơ sở là chủ tịch hội đồng, trưởng phòng phụ trách khoa học cơ sở là phó chủ tịch, và các ủy viên khác. Các thành viên gồm đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành,

cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn. Kỳ họp của hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

Tài liệu làm việc của hội đồng được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày trước khi phiên họp hội đồng được diễn ra.

Hội đồng khoa học và công nghệ cơ sở chịu trách nhiệm xem xét nội dung, phương pháp thực hiện, đánh giá về tính mới, tính khả thi, tính nhân rộng, hiệu quả kinh tế xã hội và tính hợp lý của kinh phí đề tài cơ sở.

Các thành viên tham gia hội đồng cơ sở phải thực hiện đánh giá một cách trung thực, khách quan, công bằng và chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn, nhận xét của mình.

3. Kinh phí chi cho hoạt động của hội đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh (đối với Hội đồng của huyện, thị, thành phố và Sở Khoa học và Công nghệ); từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của sở, ban, ngành (đối với Hội đồng của Sở, ban, ngành). Mức chi cho các thành viên hội đồng bằng 60% mức chi các thành viên hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Chương II

XÁC ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DANH MỤC ĐỀ TÀI

Điều 5. Tập hợp ý kiến đề xuất đề tài

Tùy vào nhu cầu thực tiễn ở cơ sở hàng năm, thủ trưởng cơ sở tổ chức lấy ý kiến rộng rãi từ các đơn vị, bộ phận, cán bộ trực thuộc về những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết, vấn đề bức xúc phục vụ phát triển của cơ sở, tập hợp thành danh mục đề xuất và gửi hồ sơ (gồm biên bản họp hội đồng, bảng tổng hợp danh mục, phiếu đề xuất của từng đề tài,...) về Sở Khoa học và Công nghệ thành 2 đợt trong năm (đợt 1 chậm nhất ngày 31/5 và đợt 2 chậm nhất ngày 31/10 hàng năm) để Hội đồng tỉnh xem xét xác định danh mục đề tài được hỗ trợ kinh phí thực hiện từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và ban hành quyết định phê duyệt danh mục đề tài được hỗ trợ hàng năm (trừ các đề tài do Sở Khoa học và Công nghệ đặt hàng).

Danh mục đề xuất được tập hợp cần phải đảm bảo các nội dung sau: tên đề tài, tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu cần đạt, nội dung thực hiện, kết quả hoặc sản phẩm dự kiến sẽ đạt được, địa chỉ áp dụng kết quả đề tài và các thông tin liên quan khác (nếu có).

Điều 6. Đề xuất đặt hàng

Hàng năm, theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các sở ngành, địa phương có thể đặt hàng trực tiếp

với các tổ chức khoa học và công nghệ, các cá nhân có năng lực và phải gửi đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ. Qua xem xét nếu thấy cần thiết thì Sở Khoa học và Công nghệ sẽ chỉ định cho các tổ chức và cá nhân chủ trì và hướng dẫn thủ tục thực hiện đề tài cơ sở.

Điều 7. Xác định và phê duyệt danh mục đề tài

1. Hội đồng tư vấn xác định danh mục đề tài đề xuất tại cơ sở.

a) Thủ trưởng cơ sở tổ chức hội đồng tư vấn xác định danh mục đề tài cơ sở. Hội đồng được thành lập theo Điều 4 của Quy chế này.

b) Hội đồng xem xét, phân tích và lựa chọn các đề tài ưu tiên thực hiện trong năm dựa trên các tiêu chí sau:

- Tính mới (tiên tiến): Mục tiêu đề tài cần hướng đến đối tượng và phương pháp nghiên cứu mới (như nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, nghiên cứu phương pháp mới hay giải pháp kỹ thuật mới, ...)

- Tính cấp thiết: Vấn đề nghiên cứu cần hướng đến giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề thích đáng, bức xúc nhằm phục vụ mục tiêu và nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội ở cơ sở.

- Tính khả thi: Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ chính tổ chức (được giao thực hiện) và từ các nguồn hợp pháp khác. Có thị trường tiêu thụ sản phẩm, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật rõ ràng.

c) Năng lực tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ có thể thực hiện được, kinh phí có thể đáp ứng được.

d) Đề tài khi được chọn phải có địa chỉ ứng dụng rõ ràng và nơi nhận kết quả đề tài để ứng dụng phải có địa chỉ trên địa bàn tỉnh và phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với sản phẩm đề tài.

Hội đồng có thể sửa đổi hoặc bổ sung để làm rõ tên đề tài, đối tượng nghiên cứu, mục tiêu cần đạt, nội dung, kết quả hoặc sản phẩm dự kiến và các thông tin khác có liên quan.

Đề tài được chọn phải có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng đồng ý thông qua biên bản kiểm phiếu xác định danh mục đề tài.

2. Phê duyệt danh mục đề tài cấp cơ sở

Trên cơ sở bảng tổng hợp danh mục đề xuất được tập hợp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hội đồng tư vấn xác định danh mục đề tài cấp cơ sở (theo nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 7). Căn cứ vào biên bản họp hội đồng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt danh mục đề tài cấp cơ sở được hỗ trợ hàng năm.

Chương III
TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
VÀ XÉT DUYỆT ĐỀ CƯƠNG ĐỀ TÀI

Điều 8. Thông báo tuyển chọn và xét duyệt đề cương đề tài

1. Thủ trưởng cơ sở có trách nhiệm thông báo hoặc chỉ định cho các tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì bắt đầu triển khai thực hiện đề tài chậm nhất trong vòng 01 tháng kể từ ngày có quyết định hỗ trợ danh mục đề tài của Sở Khoa học và Công nghệ được ban hành.

2. Điều kiện tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện đề tài cơ sở.

a) Các tổ chức đã đăng ký chủ trì thực hiện đề tài cơ sở phải là tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Cá nhân làm chủ nhiệm đề tài phải có chuyên môn cùng lĩnh vực với đề tài đó, phải đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu (phải có văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc xác nhận của chính quyền địa phương, nếu không thuộc một tổ chức).

c) Các tổ chức, cá nhân không được đăng ký chủ trì thực hiện khi chưa hoàn thành đúng hạn việc quyết toán đề tài đã thực hiện trước đó.

d) Cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp chủ nhiệm đề tài, dự án nếu thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn còn đang chủ nhiệm đề tài, dự án khoa học công nghệ khác.

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển chủ trì thực hiện đề tài (sau đây gọi tắt là hồ sơ) gồm những văn bản sau đây:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài;

b) Thuyết minh đề tài;

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài;

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài;

đ) Văn bản xác nhận đồng ý của các tổ chức, cá nhân đăng ký phối hợp (nếu có);

e) Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trường hợp tổ chức, cá nhân có kê khai huy động kinh phí từ nguồn vốn khác);

g) Văn bản xác nhận sự đồng ý của các cơ quan có liên quan về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài nếu sản phẩm của đề tài đáp ứng được yêu cầu khoa học và mức chất lượng (nếu có).

h) Giấy đề nghị ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học;

Hồ sơ này do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ thực hiện đề tài phải hoàn tất và nộp hồ sơ về các cơ quan quản lý ở Điều 3 để được xem xét.

Điều 9. Hội đồng tuyển chọn và xét duyệt đề cương đề tài

1. Thủ trưởng cơ sở tổ chức họp hội đồng tuyển chọn và xét duyệt đề cương sau khi có quyết định phê duyệt danh mục đề tài cơ sở được hỗ trợ thực hiện hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ ban hành.

Hội đồng được thành lập theo Điều 4 của Quy chế này. Phiên họp hội đồng được tổ chức theo trình tự sau:

a) Thư ký hội đồng đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự. Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số ủy viên tham dự.

b) Chủ nhiệm đề tài trình bày đề cương đề tài.

c) Đại diện bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ đọc bản nhận xét về nội dung và hình thức của đề cương đề tài.

d) Hội đồng xem xét, thảo luận, phân tích để có các ý kiến đánh giá đề cương chi tiết đề tài.

đ) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện đề tài trả lời các câu hỏi của hội đồng (nếu có).

e) Hội đồng tiến hành thảo luận riêng để thống nhất nội dung kết luận của hội đồng, các ủy viên hội đồng cho điểm đánh giá đề cương.

g) Biên bản hội đồng phải ghi rõ ý kiến thảo luận, đánh giá của từng thành viên trong hội đồng.

2. Tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ có hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện đề tài thì không được tham gia Hội đồng.

3. Hội đồng tuyển chọn và xét duyệt đề cương đề tài bằng hình thức cho ý kiến và đánh giá bằng “Phiếu đánh giá tuyển chọn và xét duyệt đề cương đề tài” trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ dự tuyển và xem xét tổ chức, cá nhân trình bày đề cương theo các tiêu chí như sau:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	<i>Đánh giá chung về mục tiêu của đề tài: Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu đề tài so với yêu cầu đặt ra (định hướng mục tiêu theo đặt hàng – nếu có).</i>	10

2	Đánh giá tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của đề tài.	15
-	Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải thực hiện đề tài.	5
-	Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của đề tài để đạt được mục tiêu đề ra.	5
-	Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của đề tài.	5
3	Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu	10
-	Tính khoa học của cách tiếp cận nghiên cứu.	5
-	Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra.	5
4	Sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài	15
-	Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra.	10
-	Mức độ làm rõ sản phẩm chính của đề tài.	5
5	Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu	15
-	Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng.	7
-	Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu.	8
6	Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện đề tài	15
-	Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện đề tài.	5
-	Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu.	10
7	Năng lực của tổ chức và cá nhân tham gia đề tài: Thể hiện ở kinh nghiệm, số công trình, đề tài đã thực hiện, bố trí hợp lý tiến độ thực hiện, có tiềm lực về thiết bị, nhà xưởng, nhân lực,...: tối đa 30 điểm. Trong đó, tổ chức, cá nhân KH&CN đăng ký chủ trì thực hiện đề tài cần đảm bảo một số điều kiện tại mục 2, điều 8.	10
	Tổng cộng:	100

4. Hồ sơ của tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ được tuyển chọn là hồ sơ có tổng số điểm trung bình cao nhất nhưng tối thiểu phải đạt 70/100 điểm.

- Trường hợp không có hồ sơ nào đạt đến 70 điểm thì phải tổ chức xét tuyển lại nếu đề tài đó có tính cấp thiết.

- Trường hợp một tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ trúng tuyển 02 đề tài thì Hội đồng cho thực hiện 01 đề tài cụ thể.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ trúng tuyển nhưng từ chối thực hiện thì thủ trưởng cơ sở quyết định cho dừng thực hiện đề tài hoặc có

thể chỉ định một tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ khác thực hiện nếu đề tài đó có tính cấp thiết.

Hội đồng thông qua kết quả tuyển chọn và xét duyệt đề cương đến tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ được chọn và có biên bản kèm theo. Trong đó, biên bản cần nêu rõ các điểm cần lưu ý sửa chữa và bổ sung.

5. Biên bản họp hội đồng phải được gửi đến tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ trúng tuyển chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày tổ chức hội đồng xét duyệt đề cương.

6. Tổ chức, cá nhân khoa học và công nghệ trúng tuyển có nhiệm vụ hoàn chỉnh hồ sơ theo biên bản họp hội đồng và nộp lại cho bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cơ sở để chuyển về Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất sau 01 tháng kể từ ngày hội đồng xét duyệt và chấp thuận cho thực hiện.

Điều 10. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: Mỗi đề tài được hỗ trợ tối đa 50% trên tổng kinh phí thực hiện nhưng không quá 50 triệu đồng/đề tài.

Các đề tài được Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ kinh phí chi từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ, những đề tài không được Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ, nếu thủ trưởng cơ sở xét thấy cần thiết cho thực hiện chi từ nguồn kinh phí của đơn vị, địa phương hoặc nguồn tham gia đóng góp, tài trợ khác.

2. Định mức chi cho hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp cơ sở được áp dụng mức chi tối đa bằng 40% mức chi quy định tại Quyết định số 47/2007/QĐ-UBND ngày 11/9/2007 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.

3. Thủ trưởng cơ sở thành lập Tổ thẩm định để thẩm định dự toán kinh phí đề tài sau khi Hội đồng tuyển chọn và xét duyệt đề cương. Việc thẩm định dự toán kinh phí căn cứ vào:

a) Các nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm của đề tài đã được Hội đồng xét duyệt;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến đề tài do các bộ, ngành chức năng Trung ương hoặc tỉnh ban hành. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

c) Các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước.

d) Định mức chi các hoạt động thực hiện đề tài cơ sở.

4. Thành viên Tổ thẩm định có từ 5-7 người, gồm đại diện cơ quan quản lý đề tài cơ sở, Bộ phận quản lý khoa học và cơ sở cơ sở, phụ trách kế toán (cơ quan quản lý đề tài cơ sở). Khi cần thiết, có thể mời đại diện các ngành, các nhà khoa học, quản lý có liên quan tham gia tổ thẩm định. Tổ thẩm định có 01 tổ trưởng, 01 cán bộ của cơ quan thường trực giữ chức danh ủy viên thư ký và các thành viên khác. Tổ thẩm định chịu trách nhiệm về việc thẩm định của mình và được hưởng chế độ trách nhiệm theo quy định hiện hành.

Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thẩm định lại kinh phí nếu phát hiện có điểm bất hợp lý về kinh phí thực hiện.

Điều 11. Phê duyệt kết quả tuyển chọn và xét duyệt đề cương đề tài

1. Đề được hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ, thủ trưởng cơ sở cần lập 02 (hai) bộ hồ sơ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện. Hồ sơ gồm: (bản chính)

- Đề cương chi tiết đề tài đã được Hội đồng khoa học công nghệ cấp cơ sở phê duyệt.

- Quyết định thành lập Hội đồng khoa học công nghệ cấp cơ sở.

- Biên bản họp Hội đồng khoa học công nghệ cấp cơ sở.

- Biên bản thẩm định kinh phí thực hiện đề tài.

- Quyết định đồng ý thực hiện đề tài của Thủ trưởng cơ sở.

- Công văn đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài của Thủ trưởng cơ sở.

2. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có thông báo hồ sơ không hợp lệ hoặc ra Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài, đây là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài.

3. Sau 04 tháng kể từ khi có Quyết định phê duyệt Danh mục đề tài của Sở Khoa học và Công nghệ, nếu cơ quan quản lý đề tài cơ sở chưa gửi hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ thì xem như không thực hiện.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề tài

1. Cơ quan thực hiện đề tài và bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cấp cơ sở tiến hành kiểm tra định kỳ (2- 3 lần/đề tài) hoặc kiểm tra đột xuất. Nội dung kiểm tra: Đánh giá kết quả thực hiện đề tài về nội dung khoa học, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí căn cứ vào đề cương chi tiết đã được phê duyệt. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ quản lý, làm cơ sở để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, thủ trưởng cơ sở quyết định điều chỉnh nội dung nghiên cứu; hoặc thay đổi thời gian thực hiện đề tài cho phù hợp nhưng không được làm thay đổi

mục tiêu đã được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt; hoặc chấm dứt việc thực hiện đề tài.

2. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo định kỳ ít nhất là 3 tháng/lần cho cơ quan chủ trì, cơ quan chủ quản và Sở Khoa học và Công nghệ về:

- a) Tình hình thực hiện các nội dung đề tài;
- b) Tình hình sử dụng kinh phí;
- c) Kế hoạch hoặc phương án triển khai giai đoạn tiếp;
- d) Kiến nghị (nếu có).

3. Sở Khoa học và Công nghệ (Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở) tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đề tài ít nhất 01 lần/đề tài và đánh giá kết quả thực hiện.

Chương IV

NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Điều 13. Tổ chức hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài

1. Hội đồng nghiệm thu có nhiệm vụ tư vấn giúp thủ trưởng cơ sở đánh giá nghiệm thu kết quả của đề tài, trên cơ sở thuyết minh đề cương đề tài được duyệt, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ký kết giữa cơ sở và tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các tài liệu khác có liên quan.

2. Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài được thành lập theo Điều 4 của Quy chế này. Các thành viên của hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá và được hưởng chế độ bồi dưỡng trách nhiệm theo quy định.

Điều 14. Trình tự làm việc của hội đồng nghiệm thu

1. Thư ký hội đồng công bố quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự. Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số ủy viên tham dự.

2. Chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả thực hiện đề tài.

3. Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cơ sở đọc bản nhận xét về quá trình thực hiện.

4. Ủy viên phản biện đọc bản nhận xét đánh giá.

5. Hội đồng xem xét, thảo luận, phản biện, phân tích để có các ý kiến đánh giá kết quả thực hiện, mức độ giải quyết được các yêu cầu đã đặt ra, nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài.

6. Chủ nhiệm đề tài trả lời các câu hỏi của hội đồng và đại biểu tham dự phiên họp.

7. Hội đồng tiến hành thảo luận riêng để thống nhất nội dung kết luận của hội đồng và các ủy viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

8. Chủ tịch hội đồng công bố kết quả bỏ phiếu và nêu kết luận chung của hội đồng: Các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi (nếu có), thời gian chủ nhiệm đề tài hoàn thiện báo cáo khoa học tổng kết đề tài và bế mạc phiên họp hội đồng.

9. Biên bản hội đồng phải ghi rõ ý kiến thảo luận, đánh giá của từng thành viên trong hội đồng.

Điều 15. Tiêu chí đánh giá nghiệm thu đề tài.

1. **Tiêu chí đánh giá:** Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện đề tài bằng hình thức cho ý kiến đánh giá và điểm qua “Phiếu đánh giá nghiệm thu” căn cứ theo tiêu chí cụ thể như sau:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Mức độ hoàn thành khối lượng, kết quả nghiên cứu của đề tài so với đề cương nghiên cứu được duyệt và hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	40
1.1	Tính đầy đủ về số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm của đề tài	20
1.2	Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát...	10
1.3	Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ...	10
2	Giá trị khoa học của các kết quả khoa học – công nghệ của đề tài	10
3	Giá trị ứng dụng vào thực tế quản lý, sản xuất và đời sống, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học – công nghệ	40
3.1	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng	20
3.2	Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội (Sản phẩm khoa học - công nghệ đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế; cơ sở dữ liệu hoặc cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình, ... đã được sử dụng trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, có ý nghĩa thực tiễn cao...)	20
4	Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của đề tài	10
	Tổng cộng:	100

2. **Kết quả đánh giá nghiệm thu:** Đề tài được xác định qua tổng số điểm, trung bình của Hội đồng và được xếp loại như sau:

+ Loại A:	Xuất sắc	- Có tổng số điểm trung bình từ 91 đến 100 điểm
+ Loại B:	Khá	- Có tổng số điểm trung bình từ 71 đến 90 điểm
+ Loại C:	Trung bình	- Có tổng số điểm trung bình từ 50 đến 70 điểm
+ Loại D:	Không đạt	- Có tổng số điểm trung bình dưới 50 điểm

Điều 16. Một số vấn đề khác có liên quan của hội đồng nghiệm thu

1. Bộ phận phụ trách khoa học và công nghệ cơ sở có trách nhiệm đôn đốc chủ nhiệm đề tài hoàn chỉnh báo cáo khoa học, giao nộp sản phẩm, quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng.

2. Chủ nhiệm đề tài hoàn chỉnh báo cáo khoa học (theo biên bản họp hội đồng nghiệm thu), quyết toán, thanh lý và giao nộp sản phẩm đúng theo hợp đồng ký kết chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày tổ chức hội đồng nghiệm thu đề tài. *Trường hợp chủ nhiệm đề tài không hoàn chỉnh báo cáo khoa học theo biên bản hội đồng và giao nộp sản phẩm theo đúng thời hạn qui định thì phải hoàn trả phần kinh phí đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp.*

3. Đề tài đã được hội đồng khoa học và công nghệ nghiệm thu nhưng kết quả không đạt theo đề cương. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét theo từng trường hợp cụ thể ra quyết định thu hồi kinh phí đã cấp cho đơn vị chủ trì đề tài.

4. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài thực hiện không đúng theo hợp đồng đã ký nếu vượt quá 04 tháng sẽ bị thu hồi kinh phí đã cấp.

Điều 17. Công bố và sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu

1. Căn cứ kết quả của hội đồng nghiệm thu, thủ trưởng cơ sở ra quyết định nghiệm thu và công bố kết quả của đề tài trên các phương tiện thông tin truyền thông, Tạp chí khoa học và công nghệ và Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ để các tổ chức, cá nhân có điều kiện ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

2. Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của xã hội nói chung và tổ chức, cá nhân nói riêng, thủ trưởng cơ sở là đơn vị quyết định chuyển giao kết quả nghiên cứu đến tổ chức, cá nhân cho phù hợp.

3. Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì có trách nhiệm trực tiếp chuyển giao kết quả nghiên cứu cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu ứng dụng vào sản xuất và đời sống theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn và xây dựng các biểu mẫu về hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài cơ sở theo Thông tư số 08/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước. Đồng thời, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ 06 tháng (vào ngày 30/6 hàng năm), 12 tháng (vào ngày 31/12 hàng năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu về kết quả thực hiện: số lượng đề tài thực hiện, kinh phí thực hiện của từng đề tài, hiệu quả, vướng...vv...vv.... và chịu trách nhiệm với UBND tỉnh về việc quản lý, bố trí kinh phí thực hiện đề tài cấp cơ sở.

Điều 19. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp: thực hiện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hò Việt Hiệp